

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 321/TTr-TNMT ngày 08/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô CN-04, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án Nhà máy Each-Tai Việt Nam” tại lô CN-04, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biên và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy Each-Tai Việt Nam.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-04, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biên và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400980886 do phòng Đăng ký kinh doanh

thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 21/12/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1005722003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 13/12/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400980886.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất dây dẫn trong linh kiện điện tử.

- Sản xuất dây cáp ổ cứng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN-04, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với diện tích sử dụng đất là 4.508 m².

- Quy mô của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình¹.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)².

- Công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại (chi tiết: Sản xuất dây dẫn trong linh kiện điện tử): 400.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất linh kiện điện tử (chi tiết: Sản xuất dây cáp ổ cứng): 400.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

¹ tại STT 17, mục III, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

² tại STT 1, mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Dự án Nhà máy Each-Tai Việt Nam” tại lô CN-04, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng của Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 403/QĐ-TNMT ngày 30/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án đầu tư “Dự án Nhà máy Each-Tai Việt Nam” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

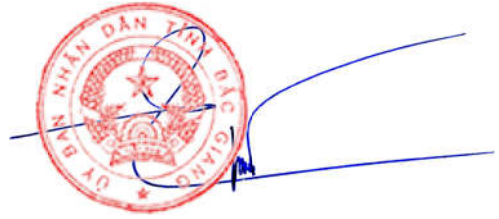
Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Yên Dũng; UBND thị trấn Nham Biền; UBND xã Yên Lư; Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang; Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam
(*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.^{Toàn}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với lý do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 6 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng (do Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận (theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất đã ký giữa Công ty TNHH điện tử Each-Tai Việt Nam với Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn xử lý khí thải ở tháp hấp thụ sử dụng dung dịch NaOH được tái sử dụng tuần hoàn, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ ở các bể tự hoại 3 ngăn (03 bể), với dung tích lần lượt là 3 m³, 5 m³ và 5 m³/bể.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải phát sinh từ các nguồn khác (như: Rửa chân tay, rửa sàn...) được thu gom theo đường ống PVC D160 tổng chiều dài 43m, đường ống HDPE D63 tổng chiều dài 114m vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất xử lý 6 m³/ngày đêm của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn xử lý khí thải ở tháp hấp thụ sử dụng dung dịch NaOH được tái sử dụng tuần hoàn. Định kỳ 06 tháng/1 lần, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý nước thải sản xuất (lượng dung dịch thải bỏ khoảng 3 m³/1 lần) cùng với các loại chất thải nguy hại phát sinh từ dự án theo quy định, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hoà → Bể yếm khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga xả nước thải đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng (*nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B*).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học.

- Công suất thiết kế: 6 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Metanol: 0,5 lít/ngày; dung dịch Javel: 24 g/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải với tần suất 03 tháng/lần.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý nước thải thì phải dừng hoạt động hệ thống này để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó chủ dự án thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP), khi đó, tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án cần liên hệ với bên thiết kế, lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý kịp thời. Đồng thời thông báo đến đơn vị quản lý Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng để xử lý và có phương án tiếp nhận, xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2025 đến tháng 7/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 6 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 6 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Sunfua	mg/l	0,5
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải của dự án.	- Tiến hành lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: ngày 01/4/2025	pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng, tổng phốt pho, tổng nitơ; Coliform.	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	01 vị trí tại hố ga chứa nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án trước khi thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư.	- Tiến hành lấy mẫu 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục. Thời gian dự kiến như sau: + Lần 1: ngày 01/4/2025 + Lần 2: ngày 02/4/2025 + Lần 3: ngày 03/4/2025		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 05 nguồn

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh ở công đoạn nhúng thiếc nóng chảy, chấm đầu dây đã tuốt vào bề mặt thiếc.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh ở công đoạn hàn kết nối.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh ở công đoạn tra keo, sấy keo (làm cứng keo).
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh ở công đoạn in lo go, mã vạch.
- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh ở công đoạn dập gia nhiệt định hình.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải ở các công đoạn sản xuất (Nhúng thiếc nóng chảy, chấm đầu dây đã tuốt vào bề mặt thiếc; tra keo, sấy (làm cứng keo); in lo go, mã vạch; hàn kết nối; dập gia nhiệt định hình) trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0): X = 2344551; Y = 417978.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 30.000 m³/giờ, tương đương 480.000 m³/ngày (tính theo 16 giờ làm việc).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (16 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT); cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ
2	CO	mg/Nm ³	900		
3	Toluen	mg/Nm ³		750	
4	Xylen	mg/Nm ³		870	
5	Vinyl clorua (C ₂ H ₃ Cl)	mg/Nm ³		20	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải được thu gom theo từng khu vực phát sinh của từng tầng của nhà xưởng sản xuất, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh ở khu vực máy in phun FFC và máy tạo hình ở tầng 1 của nhà xưởng sản xuất được thu gom qua các ống hút, đường ống dẫn, cụ thể:

+ 11 chiếc ống hút kích thước D150.

+ Đường ống dẫn khí D150 dẫn khí từ các ống hút đầu nối với các máy in phun FFC và máy tạo hình với tổng chiều dài 11m.

+ Đường ống dẫn khí D200 dẫn khí thải từ 02 đường ống dẫn khí D150 từ 02 máy in phun FFC với tổng chiều dài 18,3m.

+ Đường ống dẫn khí D450 dẫn khí từ các đường ống D150 dẫn khí từ các ống hút đầu nối với các máy tạo hình và ống D200 với tổng chiều dài 28m.

- Khí thải phát sinh ở khu vực máy cắt, tuốt, nhúng thiếc tự động, máy thiết bị đầu cuối tự động, máy thiết bị đầu cuối bằng tay, máy nhúng thiếc nóng chảy và máy tra keo dán ở tầng 2 của nhà xưởng sản xuất được thu gom qua các ống hút, đường ống dẫn, cụ thể:

+ 5 chiếc ống hút kích thước D150.

+ 10 chiếc ống hút kích thước D100.

+ Đường ống dẫn khí D100 dẫn khí từ các ống hút đầu nối với các máy tra keo dán, máy nhúng thiếc nóng chảy với tổng chiều dài 14m.

+ Đường ống dẫn khí D150 dẫn khí từ các ống hút đầu nối với các máy cắt, tuốt, nhúng thiếc tự động với tổng chiều dài 6m.

+ Đường ống dẫn khí D200 dẫn khí từ đường ống dẫn khí D150 với tổng chiều dài 4m.

+ Đường ống dẫn khí D300 dẫn khí từ đường ống dẫn khí D150 và D200 với tổng chiều dài 26m.

+ Đường ống dẫn khí D450 dẫn khí từ đường ống dẫn khí D100 và D300 với tổng chiều dài 14m.

- Khí thải phát sinh ở khu vực máy làm cứng sản phẩm bằng tia UV, máy tra keo dán và máy nhúng thiếc nóng chảy ở tầng 3 của Nhà xưởng sản xuất được thu gom qua các ống hút, đường ống dẫn, cụ thể:

+ 3 chiếc ống hút kích thước D150.

+ 10 chiếc ống hút kích thước D100.

+ Đường ống dẫn khí D100 dẫn khí từ các ống hút đầu nối với các máy nhúng thiếc nóng chảy, máy tra keo dán với tổng chiều dài 14m.

+ Đường ống dẫn khí D150 dẫn khí từ các ống hút đầu nối với các máy làm cứng sản phẩm bằng tia UV với tổng chiều dài 4,5m.

+ Đường ống dẫn khí D250 dẫn khí từ các đường ống dẫn khí D150 với tổng chiều dài 13,3m.

+ Đường ống dẫn khí D400 dẫn khí từ các đường ống dẫn khí D100, D250 với tổng chiều dài 13m.

Khí thải phát sinh sau khi thu gom vào các đường ống dẫn khí D400, D450 được tiếp tục thu gom vào đường ống dẫn khí $\Phi 650$ tổng chiều dài 5m và $\Phi 750$ tổng chiều dài 8m vào hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Ống hút → Hệ thống ống dẫn khí → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải (*khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường*).

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Nước sạch (pha dung dịch NaOH): 250 lít/ngày.

+ Hoá chất NaOH: 1 kg/ngày.

+ Than hoạt tính: Khoảng 3.000 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố...

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức thông báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại dự án, đồng thời tạm dừng hoạt động sản xuất và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2025 đến tháng 7/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất ở các công đoạn (nhúng thiếc nóng chảy, chấm đầu dây đã tuốt vào bề mặt thiếc; tra keo, sấy (Làm cứng keo); in lo go, mã vạch; hàn kết nối; dập gia nhiệt định hình); công suất 30.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường	Bụi tổng, CO, Toluene, Xylen, Vinyl clorua (C ₂ H ₃ Cl)	Tần suất lấy mẫu khí thải là lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: + Lần 1: ngày 01/4/2025 + Lần 2: ngày 02/4/2025 + Lần 3: ngày 03/4/2025

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Phát sinh tại khu vực đột, dập và cắt ở tầng 1 của nhà xưởng sản xuất.

- Nguồn số 02: Phát sinh tại khu vực máy cắt, tuốt, nhúng dây thiếc tự động ở tầng 2 của nhà xưởng sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰)

- Vị trí số 01: Khu vực đột, dập và cắt ở tầng 1 của nhà xưởng sản xuất. Tọa độ: X = 2344544; Y = 417985.

- Vị trí số 02: Khu vực máy cắt, tuốt, nhúng dây thiếc tự động ở tầng 2 của nhà xưởng sản xuất. Tọa độ: X = 2344513; Y = 417965.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thiết kế bộ phận giảm âm, giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Các máy móc, thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động (như: khẩu trang, găng tay, nút tai,...) cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 11.985 kg/năm, bao gồm:

STT	Các loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in thải có thành phần nguy hại	10
2	Hộp mực in thải	5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	10
4	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	100
5	Găng tay, giẻ lau nhiễm hoặc chứa các thành phần nguy hại	150
6	Ac quy chì thải	10
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	80
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	120
9	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	3000
10	Dung rửa khuôn thải bỏ	500
11	Nước thải phát sinh trong quá trình xử lý khí thải ở tháp hấp thụ	8.000
Tổng cộng		11.985

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 932 kg/tháng, bao gồm:

STT	Các loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Đầu mẫu dây, vỏ dây, vỏ nhựa, đầu cos, sản phẩm lỗi hỏng...	632
2	Dụng cụ bảo hộ lao động: Găng tay, mũ, khẩu trang... không dính các thành phần nguy hại	50
3	Giấy photo, bìa catton, thùng catton	100
4	Các loại chất thải khác: Màn phủ PVC chống xước, đầu mẫu bằng dính, dây buộc,...	150
Tổng cộng		932

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 60 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là các chất thải thực phẩm, giấy, túi nilon, carton,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 15 thùng chứa bằng nhựa và kim loại, dung tích từ 50 lít/thùng đến 200 lít/thùng, dán mã số tương ứng với từng loại bên ngoài thùng.

- Trang bị các bao chứa (để chứa than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 kho chứa chất thải có diện tích 6 m² (2,5×2,4m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nhà 1 tầng, tường xây gạch, mái bằng tôn, sàn đổ bê tông, có cửa ra vào, dán biển báo nguy hiểm và biển tên kho chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 06 tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí khoảng 20 thùng chứa, dung tích từ 20 lít/thùng đến 150 lít/thùng được đặt tại các khu vực sản xuất.

- Bố trí khoảng 10 thùng chứa, dung tích 150 lít/thùng ở kho chứa chất thải công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 kho chứa chất thải có diện tích 5 m² (2,5×2 m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nhà 1 tầng, tường xây gạch, mái bằng tôn, sàn đổ bê tông, có cửa ra vào.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải đúng quy định (tần suất 2 đến 3 tháng/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 06 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích từ 40 lít/thùng đến 150 lít/thùng đặt tại khu vực nhà ăn và các khu vực khác trong dự án.

- Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hút bể phốt mang đi xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu giữ

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 1- 2 ngày/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng các hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Điện tử Each-Tai Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 6 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 321/TTr-TNMT ngày 08/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.